

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TƠ**

Số: 541/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ba Tơ, ngày 08 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng
Công trình: Đường BTXM từ nhà ông Đức đến nhà ông Trìn,
Tổ dân phố Kon Dung, thị trấn Ba Tơ;
Hạng mục: Nền, mặt đường BTXM;
Lý trình: Km0+00 :- Km0+115.17m;
Địa điểm xây dựng: Thị trấn Ba Tơ, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND huyện Ba Tơ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (Đợt 1) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Ba Tơ. Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Thông báo số 36/TB-KT&HT ngày 04/4/2025 về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo Kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Đường BTXM từ nhà ông Đức đến nhà ông Trìn, TDP Kon Dung; Hạng mục: Nền, mặt đường BTXM; Lý trình: Km0+00 :- Km0+115.17m; Địa điểm xây dựng: Thị trấn Ba Tơ, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo Kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình như sau:

1. Tên công trình: Đường BTXM từ nhà ông Đức đến nhà ông Trin, TDP Kon Dung;

a) Hạng mục: Nền, mặt đường BTXM;

b) Lý trình: Km0+00 -:- Km0+115.17m;

2. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông; cấp IV.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND huyện Ba Tơ.

4. Chủ đầu tư: UBND Thị trấn Ba Tơ

5. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Ba Tơ, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Giá trị dự toán xây dựng công trình: **184.000.000đồng**, bằng chữ: (Một trăm tám mươi bốn triệu đồng chẵn)

7. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

a) Tiêu chuẩn khảo sát thiết kế áp dụng

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
1	Quy trình khảo sát đường ô tô	22 TCN 263-2000
2	Công tác trắc địa trong xây dựng-Yêu cầu chung	TCVN 9398-2012
3	Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình của Cục đo đạc bản đồ Nhà nước	96 TCN 43-90
4	Quy trình tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ	22TCN 220-95
5	Quy trình khảo sát thủy văn	22TCN 27-84.
6	Quy trình khoan thăm dò địa chất công trình	22TCN 259-2000.
7	Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình	TCVN 9401 - 2012

b) Quy trình thiết kế, thi công

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
1	Đường Ô tô, yêu cầu thiết kế	TCVN 4054 - 2005
2	Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô (phần nút giao)	22 TCN 273 - 01
3	Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông được ban hành tại Quyết định số 2231/QĐ-TCĐBVN ngày 11/5/2022	TCCS 40: 2022/ TCĐBVN
4	Tiêu chuẩn cơ sở Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 39:2022/ TCĐBVN
5	Tiêu chuẩn thiết kế áo đường cứng	22 TCN 223-95
6	Qui phạm thiết kế cầu cống theo trạng thái giới hạn	22 TCN 18-79
7	Qui trình thiết kế cầu	22 TCN 272-05
8	Thiết kế điển hình cống tròn	533-01-01, 533-01-02

9	Thiết kế điển hình công vuông	86 - 04 X, 86 - 05 X.
10	Cống tròn bê tông cốt thép lắp ghép	22 TCN 159 - 86
11	Ống bê tông cốt thép thoát nước	TCVN 9113 : 2012
12	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép- Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574-2012
13	Thép cốt bê tông cán nóng	TCVN 1651- 2008
14	Tiêu chuẩn kỹ thuật gỏi cao su cốt bản thép	AASHTOM251-06- UL; ASTM D4014- 03
15	Tiêu chuẩn khe co khe giãn	AASHTO M297 – 96 AASHTO M183 - 96
16	Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu lớp cấp phối đá dăm	TCVN 8859-2023
17	Quy trình lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế tổ chức thi công. Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4252 - 1988
18	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 51:2024/BGTV
19	Quy trình thi công công tác đất	TCVN 4447-2012
20	Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm hiện trường, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351 : 2012
21	Đất xây dựng. Các phương pháp xác định tính chất cơ - lý của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4195:2012 đến TCVN 4202:2012
22	Quy trình thí nghiệm cắt cánh hiện trường	22 TCN 355 - 2006
23	Thí nghiệm đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22 TCN 333-06
24	Thí nghiệm xác định CBR cho đất, cấp phối đá dăm trong phòng thí nghiệm	22 TCN 332-06
25	Cốt liệu dùng cho bê tông và vữa	TCVN 7572 : 2006
26	Đất xây dựng-phương pháp chỉnh lý kết quả thí nghiệm mẫu đất	TCVN 9153:2012
27	Các tiêu chuẩn, qui chuẩn Việt Nam liên quan đến xây dựng theo các tiêu chuẩn Việt Nam TCVN hiện hành	

c) Quy mô kỹ thuật chủ yếu

TT	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
I	Nền, mặt đường		
1	Cấp đường	Cấp TK	Đường cấp B

TT	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
2	Tải trọng trục thiết kế	Kg/trục	2.500
3	Tốc độ thiết kế	Km/h	15-:-20
4	Chiều dài	m	115.17
4.1	Đoạn từ Km0+0.00-:- Km0+59.98m, L=59.98m:		Nâng cấp Mặt đường bằng BTXM;
4.2	Đoạn từ Km0+59.98 -:- Km0+115.17m, L=55.19m:		Nâng cấp Nền, mặt đường bằng BTXM;
5	Bề rộng nền đường	m	4.0
6	Bề rộng mặt đường	m	3,5
7	Bề rộng lề đường	m	0.25*2= 0.5
8	Dốc ngang mặt đường	%	2.0
9	Dốc ngang lề đường	%	4.0
10	Dốc dọc tối đa	%	9,17
11	Bán kính cong nằm tối thiểu	Rmin	15m
21	Kết cấu mặt đường BTXM	Loại	M250, đá 2x4, dày 18cm
13	Móng cấp phối đá dăm loại II	Cm	dày 12cm
II	Thoát nước dọc.		
1	Hệ thống rãnh biên đất tại những vị trí nền đường đào có tiết diện rãnh hình thang	Loại	Bđ = 0.4, Bm = 1.2, H = 0.4, hệ số mái rãnh m = 1:1
III	Thoát nước ngang.	Loại	Không thiết kế.
IV	Nút giao thông.	Loại	Không thiết kế.
V	Hệ thống An toàn giao thông.	Loại	Không thiết kế.

8. Tổ chức tư vấn lập khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng xây dựng công trình:

a) Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Công ty TNHH Một Thành viên xây dựng công trình QAM; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300675434 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 03/8/2012 đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 22/5/2019; Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số: QNG-00024609 do Sở xây dựng Quảng Ngãi cấp ngày 22/5/2019;

b) Nhà thầu Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Công ty TNHH AUXADU. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4300849835 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp. Đăng ký lần đầu ngày 18/10/2020 và đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 02/8/2021. Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng: số HCM-00037413 do Sở Xây Dựng thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/7/2020.

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

a) Số bước thiết kế: 01 bước.

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- Quy trình khảo sát đường ô tô 22TCN 263-2000.
- Quy phạm khảo sát và tính toán thủy văn 22TCN – 2000.
- Quy trình khảo sát địa chất vùng sụt trượt 22TCN 220 – 95.
- Tiêu chuẩn tính toán đặc trưng dòng chảy lũ TCVN 9845:2013.
- Quy phạm đo vẽ địa hình theo tiêu chuẩn ngành 96TCN 43 – 90.
- Quy trình khoan thăm dò địa chất TCVN 9437:2012.
- Công tác trắc địa trong xây dựng – yêu cầu chung TCVN 9398 – 2012.
- Đường ô tô - yêu Cầu thiết kế: TCVN 4054 – 2005.
- Quy trình thiết kế áo đường cứng 22TCN 223 – 95.
- Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô (Phần nút giao): 22TCN 273 – 01.
- Quy trình thiết kế 22TCN 18 – 79 (Áp dụng cho công dưới đường ô tô).
- Tiêu chuẩn thiết kế vải địa kỹ thuật 22TCN 248 – 98.
- Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép TCVN 5574:2012.
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ: QCVN 51/2024/TT-BGTVT.

BGTVT.

- Quy trình kỹ thuật thi công và nghiệm thu lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô TCVN 8859:2011.

- TCVN 4447 - 2012: Công tác đất – Thi công và nghiệm thu.

- Và một số các quy trình, quy phạm khác có liên quan.

10. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư

Tổng dự toán đầu tư xây dựng công trình được phê duyệt là:

184.000.000đồng, bằng chữ: (Một trăm tám mươi bốn triệu đồng chẵn)

Trong đó:

Khoản mục chi phí xây dựng	Giá trị dự toán được phê duyệt (đồng)	Ghi chú
1	2	3
1- Chi phí xây dựng	141.419.000	
2- Chi phí Quản lý dự án	4.276.000	
3- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	24.968.239	
4- Chi phí khác	2.808.274	
5- Chi phí dự phòng	10.528.487	
Tổng chi phí đầu tư xây dựng	184.000.000	

11. Thời gian thực hiện: Năm 2025.

12. Nguồn vốn đầu tư: Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế

- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Ba Tơ (Ngân sách Trung ương, Tỉnh và ngân sách huyện)

13. Hình thức quản lý dự án được áp dụng: Thuê tư vấn Quản lý dự án.

14. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Không.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, Chủ tịch UBND thị trấn Ba Tơ thực hiện các kiến nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại thông báo số 36/TB-KT&HT ngày 04/4/2025 và triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, đảm bảo chất lượng, tiến độ và sớm đưa công trình vào khai thác sử dụng có hiệu quả.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện; Trưởng các phòng: Tài chính – Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng huyện; Chủ tịch UBND thị trấn Ba Tơ; Thủ trưởng Phòng giao dịch số 22 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII và thủ trưởng các phòng, ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Văn phòng HĐND&UBND huyện;
- Lưu: VT. KTHT (Giang).

CHỦ TỊCH

Phạm Giang Nam